



Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng Của Sản Phẩm Bảo Hiểm

Món Quà Tương Lai

Kiến tạo tài sản, an nhàn tương lai

Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị của Công ty
TNHH Manulife (Việt Nam).

Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư.



Cùng Manulife thực hiện hóa kế hoạch toàn diện về bảo vệ, tích lũy và đầu tư
hưng thịnh cho bạn và cả gia đình.

Bảo Vệ Toàn Diện



- Bảo hiểm toàn diện trước rủi ro tử vong
- Gia tăng bảo vệ tối ưu trước thương tật và tử vong do tai nạn

Tích Lũy Hiệu Quả



- Tích lũy cho tương lai hưng thịnh với 9 Quỹ đầu tư của Manulife
- Thưởng duy trì hợp đồng thường xuyên mỗi 3 năm và tại các cột mốc 10 năm, 15 năm và 20 năm

Đầu Tư Chủ Động



- Chủ động lựa chọn đóng thêm, rút tiền miễn phí xuyên suốt hợp đồng, và điều chỉnh danh mục quỹ đầu tư
- Linh hoạt điều chỉnh kế hoạch bảo vệ các lựa chọn tăng/ giảm Số Tiền Bảo Hiểm

DT\$NB-SUPPDOG
V01-RUV04

Thông tin doanh nghiệp

Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

Trụ sở chính: Manulife Plaza,
75 Hoàng Văn Thái, P.Tân Phú, Q7,
TP. HCM

Điện thoại: (028) 5416 6888

Fax: (028) 5416 1818

Giấy phép thành lập và hoạt động:

Số 13GP/KDBH ngày 24/01/2005

Vốn điều lệ: 22.220 tỷ đồng

Lĩnh vực: Bảo hiểm nhân thọ và đầu tư
tài chính

Website: www.manulife.com.vn

Về Manulife Financial

Là một trong những tập đoàn tài chính quốc tế hàng đầu, Manulife cung cấp các dịch vụ về tư vấn tài chính, bảo hiểm và hưu trí, vận hành dưới thương hiệu Manulife tại Canada, Châu Á và Châu Âu, và dưới thương hiệu John Hancock tại Hoa Kỳ. Với lịch sử hơn 135 năm hoạt động, Manulife hiện phục vụ gần 34 triệu khách hàng trên toàn thế giới.

Về Manulife Việt Nam

Với hơn 1,5 triệu khách hàng, cùng đội ngũ tư vấn viên, hệ thống đối tác chiến lược chuyên nghiệp và mạng lưới 80 văn phòng trên khắp cả nước, Manulife Việt Nam tự hào với lịch sử 24 năm là công ty bảo hiểm nhân thọ có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động đầu tiên tại Việt Nam.

Ghi chú:

Sản phẩm đã được Bộ Tài chính phê duyệt theo công văn số 6531/BTC-QLBH ngày 17/06/2021 với tên gọi kỹ thuật Sản phẩm Bảo hiểm Liên Kết Đơn Vị Đóng Phí Định Kỳ (Phiên bản 3).

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nghề nghiệp	Nhóm nghề nghiệp
Bên Mua Bảo Hiểm (BMBH)	KHÁCH HÀNG	Nam	01/01/1989	35	Hành chính - Nhân viên hành chính	1
Người Được Bảo Hiểm (NĐBH)	KHÁCH HÀNG	Nam	01/01/1989	35	Hành chính - Nhân viên hành chính	1

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

- Họ và tên: AGENT 10401
- Mã số đại lý: 10401

THÔNG TIN CHUNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người Được Bảo Hiểm	Tuổi	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Mức thẩm định (*)	Số Tiền Bảo Hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm theo định kỳ hàng năm (đồng)
Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính						
Món Quà Tương Lai - Kế hoạch bảo hiểm cơ bản	KHÁCH HÀNG	35	64	Chuẩn	700.000.000	10.000.000
Tổng Phí Bảo Hiểm Định Kỳ						10.000.000

0002949614

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ

	Định kỳ đóng phí (đồng)			
	Năm	Nửa Năm	Quý	Tháng
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản (a)	10.000.000	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)
Phí Bảo Hiểm Bồi Trợ (b)	0	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)
Phí Bảo Hiểm Định Kỳ (c) = (a) + (b)	10.000.000	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)
Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm năm đầu (d)	0	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)
Tổng Phí Bảo Hiểm dự kiến năm đầu (e) = (c) + (d)	10.000.000	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)	(Không Áp Dụng)
- Định kỳ đóng phí bảo hiểm dự kiến: Hàng Năm - Thời hạn đóng phí bắt buộc: 3 năm - Thời hạn đóng phí dự kiến: 20 năm				

(*) Tài liệu minh họa bán hàng này dành cho (các) Người Được Bảo Hiểm có sức khỏe và/hoặc nghề nghiệp ở mức chuẩn theo quy định của Manulife. Phí Bảo Hiểm và Phí Bảo Hiểm Rủi Ro có thể được điều chỉnh so với mức phí dự kiến đối với tình trạng sức khỏe và/hoặc nghề nghiệp dưới chuẩn.

Ghi chú:

- Thời hạn đóng phí của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính bằng Thời hạn hợp đồng. Tuy nhiên, khách hàng có thể chủ động lựa chọn thời hạn đóng phí dự kiến linh hoạt theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm của bản thân (tối thiểu là 3 năm) và nên đóng phí đúng dự kiến để có thể đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.
- Với kế hoạch đóng phí dự kiến là 20 năm, Hợp đồng sẽ mất hiệu lực tại năm thứ 37, tương ứng mức tỷ suất đầu tư thấp, do GTTK Hợp Đồng không đủ để thanh toán Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng.
- Với thời hạn đóng phí bắt buộc là 03 năm hợp đồng đầu tiên, Hợp đồng sẽ mất hiệu lực tại năm thứ 5/6, tương ứng với mức tỷ suất đầu tư thấp/cao, do GTTK Hợp Đồng không đủ để thanh toán Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO

<p>1. Quyền Lợi Thương Tật Do Tai Nạn (*) (**)</p>	<p>a. Quyền lợi Thương Tật Do Tai Nạn: lên đến 700.000.000 đồng, tùy thương tật b. Quyền lợi Tồn Thương Nội Tạng Do Tai Nạn: 105.000.000 đồng c. Quyền lợi Gãy Xương Do Tai Nạn: lên đến 700.000.000 đồng, tùy tình trạng gãy xương d. Quyền lợi Bồng Nghiêm Trọng Do Tai Nạn: lên đến 700.000.000 đồng, tùy tình trạng bồng Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật do Tai Nạn chấm dứt khi NĐBH đạt 70 Tuổi.</p>
<p>2. Quyền Lợi Tử Vong (*) (**)</p>	<p>a. Quyền lợi Tử Vong: Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số lớn hơn (giá trị Tài Khoản Cơ Bản, Số Tiền Bảo Hiểm) + giá trị Tài Khoản Đóng Thêm Kế Hoạch Bảo Hiểm Nâng Cao: giá trị Tài Khoản Cơ Bản + Số Tiền Bảo Hiểm + giá trị Tài Khoản Đóng Thêm b. Quyền lợi Tử vong do Tai Nạn: Trước khi NĐBH đạt 70 Tuổi, Manulife sẽ chi trả thêm 700.000.000 đồng khi NĐBH Tử Vong do Tai Nạn. Quyền lợi bảo hiểm Tử Vong do Tai Nạn sẽ khấu trừ đi Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật do Tai Nạn đã chi trả trước đó. Vui lòng tham khảo điều khoản hợp đồng để biết thêm chi tiết.</p>
<p>3. Quyền lợi chu toàn hậu sự (*)</p>	<p>Manulife sẽ chi trả trước 30.000.000 đồng khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi Tử vong.</p>
<p>Các yếu tố làm ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản (**)</p>	<p>Giá trị tài khoản của khách hàng có thể tăng/giảm phụ thuộc vào các yếu tố sau: - Các thay đổi liên quan đến hợp đồng của Bên Mua Bảo Hiểm: Phân bổ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản/Đóng Thêm, thực hiện nghiệp vụ chuyển đổi Quỹ, rút Giá trị tài khoản hợp đồng, hủy bỏ hợp đồng. - Các yếu tố liên quan đến kết quả hoạt động quỹ: Tỷ suất đầu tư có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư của quỹ liên kết đơn vị. - Các yếu tố liên quan đến đặc trưng sản phẩm: hưởng Quyền lợi duy trì hợp đồng (nếu có), trả khoản Khấu Trừ Hàng Tháng và các chi phí khác có liên quan.</p>

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

Sản phẩm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đơn vị cung cấp quyền lợi đầu tư trung và dài hạn. Bên Mua Bảo Hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và chịu mọi rủi ro đầu tư từ các Quỹ Liên Kết Đơn Vị. Bên Mua Bảo Hiểm được quyền lựa chọn các Quỹ Liên Kết Đơn Vị do Manulife thành lập và phân bổ phí bảo hiểm vào các Quỹ sau khi đã trừ các chi phí để mua các Đơn vị quỹ của các Quỹ Liên Kết Đơn Vị này. Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ do Bên Mua Bảo Hiểm lựa chọn được thể hiện như bảng sau:

Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ	Bảo Toàn	Tích Lũy	Ổn Định	Cân Bằng	Phát Triển	Tăng Trưởng	Quỹ Hưng Thịnh 2035
Phần trăm %	0%	25%	0%	25%	0%	25%	25%

Ghi chú: Giả định tỷ lệ % đầu tư vào các Quỹ áp dụng là như nhau cho phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm

Thông tin chi tiết về các Quỹ Đầu tư vui lòng tham khảo trong phần THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ.

QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG

1. Quyền lợi duy trì Hợp Đồng định kỳ (**)	Manulife chi trả 3,0% giá trị Tài Khoản Cơ Bản trung bình của 3 năm gần nhất. Quyền lợi được tính vào cuối các Năm Hợp Đồng 3, 6, 9, 12, 15, 18; và cộng vào giá trị Tài Khoản Cơ Bản.
2. Quyền lợi duy trì Hợp Đồng đặc biệt (**)	Manulife chi trả quyền lợi duy trì Hợp Đồng đặc biệt vào Tài Khoản Đóng Thêm tại các thời điểm sau: <ul style="list-style-type: none">Cuối năm thứ 10: 88% tổng phí Bảo Hiểm Rủi Ro của Sản Phẩm Chính trong 10 năm Hợp Đồng đầu tiên.Cuối năm thứ 15: 88% tổng phí Bảo Hiểm Rủi Ro của Sản Phẩm Chính từ năm Hợp Đồng thứ 11 đến năm Hợp Đồng thứ 15.Cuối năm thứ 20: 88% tổng phí Bảo Hiểm Rủi Ro của Sản Phẩm Chính từ năm Hợp Đồng thứ 16 đến năm Hợp Đồng thứ 20.
Điều kiện chi trả Quyền lợi duy trì Hợp Đồng (**)	Manulife chi trả Quyền lợi duy trì Hợp Đồng nếu trong suốt thời hạn xem xét, Hợp Đồng thỏa các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none">Hợp Đồng chưa từng bị mất hiệu lực; vàKhông có giao dịch rút giá trị Tài Khoản Cơ Bản (kể cả trường hợp rút để đóng phí bảo hiểm); vàPhí Bảo Hiểm Cơ Bản được đóng đầy đủ và đều đặn qua các kỳ đóng phí; vàSố Tiền Bảo Hiểm trong thời hạn xem xét luôn lớn hơn hoặc bằng Số Tiền Bảo Hiểm tại thời điểm cấp Hợp Đồng

(*) Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm dưới 4 Tuổi, Quyền Lợi Bảo Hiểm sẽ được điều chỉnh theo quy định tại điều khoản hợp đồng.

(**) Tham khảo điều khoản hợp đồng để biết thêm chi tiết.

Bản dự thảo

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Manulife sẽ không thanh toán Quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra có liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào dưới đây:

- Tự tử hoặc có hành vi tự tử
- Các hành vi vi phạm pháp luật hình sự
- Các loại trừ khác theo Hợp đồng bảo hiểm

Mỗi sản phẩm bổ trợ có các điều khoản loại trừ bảo hiểm khác nhau.

Vui lòng tham khảo điều khoản chi tiết về loại trừ bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc tại website <https://www.manulife.com.vn/> - mục **Sản phẩm** để biết thêm chi tiết.

Bản dự thảo

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG
 (Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 20 năm)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm B (**)	Phí ban đầu			
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*)	Tổng phí bảo hiểm		Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*)	Tổng phí ban đầu
1	10.000			10.000		8.500			8.500
2	10.000			10.000		7.500			7.500
3	10.000			10.000		2.000			2.000
4	10.000			10.000					
5	10.000			10.000					
6	10.000			10.000					
7	10.000			10.000					
8	10.000			10.000					
9	10.000			10.000					
10	10.000			10.000					
11	10.000			10.000					
12	10.000			10.000					
13	10.000			10.000					
14	10.000			10.000					
15	10.000			10.000					
16	10.000			10.000					
17	10.000			10.000					
18	10.000			10.000					
19	10.000			10.000					
20	10.000			10.000					

(*) Nhóm A: Sản phẩm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro, (**) Nhóm B: Các sản phẩm bổ trợ còn lại

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 20 năm)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Phí đem đi đầu tư				Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*) sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư thấp	Tại tỷ suất đầu tư cao
1	1.500			1.500			
2	2.500			2.500	552	2.458	2.457
3	8.000			8.000	576	2.564	2.563
4	10.000			10.000	600	2.676	2.673
5	10.000			10.000	624	2.806	2.800
6	10.000			10.000	648	2.953	2.943
7	10.000			10.000	672	3.107	3.089
8	10.000			10.000	696	3.273	3.245
9	10.000			10.000	714	3.454	3.411
10	10.000			10.000	720	3.637	3.574
11	10.000			10.000	720	3.833	3.745
12	10.000			10.000	720	4.043	3.922
13	10.000			10.000	720	4.249	4.083
14	10.000			10.000	720	4.477	4.257
15	10.000			10.000	720	4.729	4.441
16	10.000			10.000	720	4.985	4.604
17	10.000			10.000	720	5.304	4.811
18	10.000			10.000	720	5.656	5.023
19	10.000			10.000	720	6.024	5.195
20	10.000			10.000	720	6.457	5.402

(*) Nhóm A: Sản phẩm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro

**MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
 KẾ HOẠCH BẢO HIỂM CƠ BẢN
 (Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 20 năm)**

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Rút tài khoản
				Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	
1 / 36	10.000	1.500	1.400.000	1.540		1.540		1.614		1.614		
2 / 37	10.000	2.500	1.400.000	1.094		1.094		1.296		1.296		
3 / 38	10.000	8.000	1.400.000	6.151	115	6.266		6.738	121	6.859		
4 / 39	10.000	10.000	1.400.000	13.375		13.375	8.875	14.739		14.739	10.239	
5 / 40	10.000	10.000	1.400.000	20.517		20.517	17.517	23.064		23.064	20.064	
6 / 41	10.000	10.000	1.400.000	27.676	655	28.331	26.831	31.852	720	32.572	31.072	
7 / 42	10.000	10.000	1.400.000	35.519		35.519	35.519	41.912		41.912	41.912	
8 / 43	10.000	10.000	1.400.000	42.707		42.707	42.707	51.781		51.781	51.781	
9 / 44	10.000	10.000	1.400.000	49.887	1.320	51.208	51.208	62.216	1.561	63.777	63.777	
10 / 45	10.000	10.000	1.400.000	58.425	23.696	82.121	82.121	74.958	23.545	98.504	98.504	
11 / 46	10.000	10.000	1.400.000	89.962		89.962	89.962	112.163		112.163	112.163	
12 / 47	10.000	10.000	1.400.000	97.805	2.008	99.813	99.813	126.693	2.586	129.279	129.279	
13 / 48	10.000	10.000	1.400.000	107.716		107.716	107.716	144.963		144.963	144.963	
14 / 49	10.000	10.000	1.400.000	115.605		115.605	115.605	161.679		161.679	161.679	
15 / 50	10.000	10.000	1.400.000	123.457	21.488	144.946	144.946	179.500	21.844	201.343	201.343	
16 / 51	10.000	10.000	1.400.000	153.325		153.325	153.325	222.043		222.043	222.043	
17 / 52	10.000	10.000	1.400.000	161.615		161.615	161.615	244.136		244.136	244.136	
18 / 53	10.000	10.000	1.400.000	169.780	3.439	173.220	173.220	267.727	5.417	273.144	273.144	
19 / 54	10.000	10.000	1.400.000	181.332		181.332	181.332	298.808		298.808	298.808	
20 / 55	10.000	10.000	1.400.000	189.234	25.015	214.250	214.250	326.258	22.030	348.288	348.288	

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 20 năm)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)			
			Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1 / 36	2.500	375	390		390		397		397	
2 / 37	2.500	625	278		278		317		317	
3 / 38	2.500	2.000	1.560	29	1.588		1.652	30	1.683	
4 / 39	2.500	2.500	3.402		3.402	2.258	3.598		3.598	2.499
5 / 40	2.500	2.500	5.243		5.243	4.477	5.593		5.593	4.866
6 / 41	2.500	2.500	7.107	164	7.271	6.886	7.671	180	7.851	7.489
7 / 42	2.500	2.500	9.163		9.163	9.163	10.025		10.025	10.025
8 / 43	2.500	2.500	11.074		11.074	11.074	12.290		12.290	12.290
9 / 44	2.500	2.500	13.002	330	13.332	13.332	14.652	390	15.042	15.042
10 / 45	2.500	2.500	15.292	5.924	21.216	21.216	17.531	5.886	23.418	23.418
11 / 46	2.500	2.500	23.426		23.426	23.426	26.369		26.369	26.369
12 / 47	2.500	2.500	25.659	502	26.161	26.161	29.461	646	30.107	30.107
13 / 48	2.500	2.500	28.440		28.440	28.440	33.389		33.389	33.389
14 / 49	2.500	2.500	30.739		30.739	30.739	36.834		36.834	36.834
15 / 50	2.500	2.500	33.052	5.372	38.424	38.424	40.450	5.461	45.911	45.911
16 / 51	2.500	2.500	40.961		40.961	40.961	50.033		50.033	50.033
17 / 52	2.500	2.500	43.501		43.501	43.501	54.362		54.362	54.362
18 / 53	2.500	2.500	46.034	860	46.893	46.893	58.912	1.354	60.266	60.266
19 / 54	2.500	2.500	49.451		49.451	49.451	65.134		65.134	65.134
20 / 55	2.500	2.500	51.976	6.254	58.230	58.230	70.257	5.507	75.764	75.764

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ CÂN BẰNG
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 20 năm)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)			
			Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1 / 36	2.500	375	384		384		403		403	
2 / 37	2.500	625	273		273		323		323	
3 / 38	2.500	2.000	1.533	29	1.562		1.680	30	1.711	
4 / 39	2.500	2.500	3.332		3.332	2.211	3.673		3.673	2.552
5 / 40	2.500	2.500	5.106		5.106	4.359	5.743		5.743	4.996
6 / 41	2.500	2.500	6.880	164	7.044	6.671	7.923	180	8.103	7.730
7 / 42	2.500	2.500	8.821		8.821	8.821	10.415		10.415	10.415
8 / 43	2.500	2.500	10.594		10.594	10.594	12.852		12.852	12.852
9 / 44	2.500	2.500	12.361	330	12.691	12.691	15.424	390	15.814	15.814
10 / 45	2.500	2.500	14.462	5.924	20.386	20.386	18.562	5.886	24.448	24.448
11 / 46	2.500	2.500	22.293		22.293	22.293	27.793		27.793	27.793
12 / 47	2.500	2.500	24.195	502	24.697	24.697	31.341	646	31.988	31.988
13 / 48	2.500	2.500	26.606		26.606	26.606	35.806		35.806	35.806
14 / 49	2.500	2.500	28.506		28.506	28.506	39.865		39.865	39.865
15 / 50	2.500	2.500	30.390	5.372	35.762	35.762	44.178	5.461	49.639	49.639
16 / 51	2.500	2.500	37.758		37.758	37.758	54.636		54.636	54.636
17 / 52	2.500	2.500	39.725		39.725	39.725	59.952		59.952	59.952
18 / 53	2.500	2.500	41.653	860	42.513	42.513	65.611	1.354	66.965	66.965
19 / 54	2.500	2.500	44.418		44.418	44.418	73.100		73.100	73.100
20 / 55	2.500	2.500	46.264	6.254	52.517	52.517	79.640	5.507	85.147	85.147

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ HƯNG THỊNH 2035
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 20 năm)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)			
			Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1 / 36	2.500	375	386		386		407		407	
2 / 37	2.500	625	275		275		328		328	
3 / 38	2.500	2.000	1.544	29	1.573		1.701	30	1.731	
4 / 39	2.500	2.500	3.360		3.360	2.229	3.729		3.729	2.590
5 / 40	2.500	2.500	5.161		5.161	4.406	5.854		5.854	5.092
6 / 41	2.500	2.500	6.971	164	7.134	6.757	8.112	180	8.292	7.910
7 / 42	2.500	2.500	8.957		8.957	8.957	10.709		10.709	10.709
8 / 43	2.500	2.500	10.784		10.784	10.784	13.280		13.280	13.280
9 / 44	2.500	2.500	12.613	330	12.943	12.943	16.016	390	16.406	16.406
10 / 45	2.500	2.500	14.788	5.924	20.712	20.712	19.358	5.886	25.244	25.244
11 / 46	2.500	2.500	22.738		22.738	22.738	28.897		28.897	28.897
12 / 47	2.500	2.500	24.768	502	25.270	25.270	32.808	646	33.455	33.455
13 / 48	2.500	2.500	27.323		27.323	27.323	37.705		37.705	37.705
14 / 49	2.500	2.500	29.377		29.377	29.377	42.264		42.264	42.264
15 / 50	2.500	2.500	31.425	5.372	36.797	36.797	47.153	5.461	52.614	52.614
16 / 51	2.500	2.500	39.001		39.001	39.001	58.335		58.335	58.335
17 / 52	2.500	2.500	41.186		41.186	41.186	64.478		64.478	64.478
18 / 53	2.500	2.500	43.344	860	44.204	44.204	71.078	1.354	72.432	72.432
19 / 54	2.500	2.500	46.355		46.355	46.355	79.655		79.655	79.655
20 / 55	2.500	2.500	48.457	6.254	54.710	54.710	87.427	5.507	92.935	92.935

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TĂNG TRƯỞNG
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 20 năm)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)			
			Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1 / 36	2.500	375	380		380		408		408	
2 / 37	2.500	625	269		269		329		329	
3 / 38	2.500	2.000	1.514	29	1.543		1.705	30	1.735	
4 / 39	2.500	2.500	3.280		3.280	2.177	3.739		3.739	2.597
5 / 40	2.500	2.500	5.007		5.007	4.275	5.874		5.874	5.110
6 / 41	2.500	2.500	6.718	164	6.881	6.517	8.147	180	8.327	7.943
7 / 42	2.500	2.500	8.578		8.578	8.578	10.763		10.763	10.763
8 / 43	2.500	2.500	10.255		10.255	10.255	13.359		13.359	13.359
9 / 44	2.500	2.500	11.911	330	12.241	12.241	16.126	390	16.516	16.516
10 / 45	2.500	2.500	13.883	5.924	19.807	19.807	19.507	5.886	25.393	25.393
11 / 46	2.500	2.500	21.506		21.506	21.506	29.104		29.104	29.104
12 / 47	2.500	2.500	23.183	502	23.685	23.685	33.084	646	33.730	33.730
13 / 48	2.500	2.500	25.347		25.347	25.347	38.063		38.063	38.063
14 / 49	2.500	2.500	26.984		26.984	26.984	42.717		42.717	42.717
15 / 50	2.500	2.500	28.590	5.372	33.962	33.962	47.718	5.461	53.179	53.179
16 / 51	2.500	2.500	35.605		35.605	35.605	59.039		59.039	59.039
17 / 52	2.500	2.500	37.203		37.203	37.203	65.343		65.343	65.343
18 / 53	2.500	2.500	38.750	860	39.610	39.610	72.127	1.354	73.481	73.481
19 / 54	2.500	2.500	41.109		41.109	41.109	80.919		80.919	80.919
20 / 55	2.500	2.500	42.538	6.254	48.792	48.792	88.934	5.507	94.442	94.442

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG
 (Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm B (**)	Phí ban đầu			
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*)	Tổng phí bảo hiểm		Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*)	Tổng phí ban đầu
1	10.000			10.000		8.500			8.500
2	10.000			10.000		7.500			7.500
3	10.000			10.000		2.000			2.000
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									
18									
19									
20									

(*) Nhóm A: Sản phẩm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro, (**) Nhóm B: Các sản phẩm bổ trợ còn lại

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG
 (Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Phí đem đi đầu tư				Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*) sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại tỷ suất đầu tư thấp	Tại tỷ suất đầu tư cao
1	1.500			1.500			
2	2.500			2.500	552	2.458	2.457
3	8.000			8.000	576	2.564	2.563
4					600	2.703	2.701
5					624	2.597	2.863
6					648		516
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							

(*) Nhóm A: Sản phẩm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

**MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
 KẾ HOẠCH BẢO HIỂM CƠ BẢN**
 (Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NDBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Rút tài khoản
				Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	
1 / 36	10.000	1.500	1.400.000	1.540		1.540		1.614		1.614		
2 / 37	10.000	2.500	1.400.000	1.094		1.094		1.296		1.296		
3 / 38	10.000	8.000	1.400.000	6.151	115	6.266		6.738	121	6.859		
4 / 39			1.400.000	3.082		3.082		3.947		3.947		
5 / 40			1.400.000			Mất hiệu lực		620		620		
6 / 41										Mất hiệu lực		
7 / 42												
8 / 43												
9 / 44												
10 / 45												
11 / 46												
12 / 47												
13 / 48												
14 / 49												
15 / 50												
16 / 51												
17 / 52												
18 / 53												
19 / 54												
20 / 55												

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TÍCH LŨY
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)			
			Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1 / 36	2.500	375	390		390		397		397	
2 / 37	2.500	625	278		278		317		317	
3 / 38	2.500	2.000	1.560	29	1.588		1.652	30	1.683	
4 / 39			791		791		953		953	
5 / 40					Mất hiệu lực		147		147	
6 / 41									Mất hiệu lực	
7 / 42										
8 / 43										
9 / 44										
10 / 45										
11 / 46										
12 / 47										
13 / 48										
14 / 49										
15 / 50										
16 / 51										
17 / 52										
18 / 53										
19 / 54										
20 / 55										

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ CÂN BẰNG
 (Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)			
			Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1 / 36	2.500	375	384		384		403		403	
2 / 37	2.500	625	273		273		323		323	
3 / 38	2.500	2.000	1.533	29	1.562		1.680	30	1.711	
4 / 39			766		766		982		982	
5 / 40					Mất hiệu lực		154		154	
6 / 41									Mất hiệu lực	
7 / 42										
8 / 43										
9 / 44										
10 / 45										
11 / 46										
12 / 47										
13 / 48										
14 / 49										
15 / 50										
16 / 51										
17 / 52										
18 / 53										
19 / 54										
20 / 55										

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ HƯNG THỊNH 2035
 (Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)			
			Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1 / 36	2.500	375	386		386		407		407	
2 / 37	2.500	625	275		275		328		328	
3 / 38	2.500	2.000	1.544	29	1.573		1.701	30	1.731	
4 / 39			776		776		1.004		1.004	
5 / 40					Mất hiệu lực		159		159	
6 / 41									Mất hiệu lực	
7 / 42										
8 / 43										
9 / 44										
10 / 45										
11 / 46										
12 / 47										
13 / 48										
14 / 49										
15 / 50										
16 / 51										
17 / 52										
18 / 53										
19 / 54										
20 / 55										

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

MINH HỌA CHI TIẾT GIÁ TRỊ QUỸ TĂNG TRƯỞNG
 (Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Mức tỷ suất đầu tư thấp (KHÔNG ĐẢM BẢO)				Mức tỷ suất đầu tư cao (KHÔNG ĐẢM BẢO)			
			Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi đầu tư	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Tổng giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1 / 36	2.500	375	380		380		408		408	
2 / 37	2.500	625	269		269		329		329	
3 / 38	2.500	2.000	1.514	29	1.543		1.705	30	1.735	
4 / 39			749		749		1.008		1.008	
5 / 40					Mất hiệu lực		160		160	
6 / 41									Mất hiệu lực	
7 / 42										
8 / 43										
9 / 44										
10 / 45										
11 / 46										
12 / 47										
13 / 48										
14 / 49										
15 / 50										
16 / 51										
17 / 52										
18 / 53										
19 / 54										
20 / 55										

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A)

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

GHI CHÚ:

- Tài liệu minh họa bán hàng này dựa trên giả định:
 - (i) Phí bảo hiểm được minh họa theo định kỳ hàng năm và có thể khác với phí bảo hiểm thực đóng và định kỳ thực tế.
 - (ii) NĐBH có sức khỏe ở mức như được quy định tại mục Thông Tin Chung Của Sản Phẩm Bảo Hiểm của Tài liệu minh họa bán hàng này.
 - (iii) Hợp đồng đạt đầy đủ các yêu cầu nhận Quyền Lợi duy trì Hợp Đồng theo quy định tại điều khoản sản phẩm.
- Lãi suất minh họa tại các quỹ liên kết đơn vị chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của quỹ liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai
- Theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn triển khai sản phẩm Bảo Hiểm Liên Kết Đơn Vị, Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ minh họa quyền lợi trong 20 năm, nhưng nếu khách hàng vẫn tiếp tục duy trì hợp đồng và hợp đồng của khách hàng vẫn tiếp tục có hiệu lực thì các Quỹ sẽ vẫn được tiếp tục được đầu tư sau đó.
- Mức tỷ suất đầu tư thấp/cao trong Tài liệu minh họa bán hàng được giả định như trong bảng tỷ suất dự kiến sau đây và không đổi trong suốt Thời hạn hợp đồng. Các mức này có thể bị thay đổi do sự gia tăng của các khoản phí.

Quỹ	Bảo Toàn	Tích Lũy	Ổn Định	Cân Bằng	Phát Triển	Tăng Trưởng	Hung Thịnh
Thấp	3,0%	3,9%	3,3%	2,4%	1,8%	1,3%	3,0%
Cao	5,0%	5,9%	6,5%	7,4%	8,0%	8,7%	8,5%

- Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo trong bảng minh họa phía trên bao gồm: quyền lợi Tử Vong (không bao gồm Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng), 100% STBH cho quyền lợi Tử Vong và Thương Tật do Tai Nạn.
- Trường hợp NĐBH dưới 4 tuổi, các quyền lợi bảo hiểm nêu trên sẽ được điều chỉnh theo quy định tại điều khoản hợp đồng.
- Các giao dịch liên quan đến việc thay đổi Số Tiền Bảo Hiểm, phí bảo hiểm hoặc yêu cầu rút Giá Trị Tài Khoản (nếu có) phải được BMBH gửi yêu cầu theo mẫu về Công Ty và chỉ có hiệu lực sau khi được Công Ty chấp thuận bằng văn bản hoặc ban hành (các) Xác Nhận Thay Đổi Hợp Đồng.
- Việc rút Giá Trị Tài Khoản Cơ Bản sẽ làm Hợp Đồng không đáp ứng đủ điều kiện để được hưởng các Quyền Lợi Duy Trì Hợp Đồng. Vui lòng tham khảo Điều Khoản để biết thêm chi tiết.

THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

1. Mua bán đơn vị quỹ

- a. Quyền chuyển đổi giữa các quỹ liên kết đơn vị:** Vào bất kỳ thời điểm nào trong thời gian Hợp Đồng còn hiệu lực, Bên Mua Bảo Hiểm có quyền chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần giá trị của bất kỳ Quỹ sang một hoặc nhiều Quỹ khác trong cùng Tài Khoản Cơ Bản hoặc trong cùng Tài Khoản Đóng Thêm theo Tỷ Lệ Phân Bổ Quỹ do Bên Mua Bảo Hiểm chỉ định.
- b. Ngày định giá:** Công ty sẽ định giá để áp dụng giá mua/giá bán của các Quỹ vào thứ ba và thứ năm hàng tuần (trừ trường hợp lễ tết).
- c. Khoản phí áp dụng cho hợp đồng và các hạn mức tối đa sẽ áp dụng:** tham khảo trong phần **GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN.**

2. Mô tả hoạt động của quỹ liên kết đơn vị

a. Thông tin chung về quỹ liên kết đơn vị:

Nhóm quỹ chủ động tự điều chỉnh danh mục đầu tư theo năm

Các Quỹ Hưng Thịnh được thiết kế để tối ưu hóa danh mục đầu tư hàng năm, tận dụng khả năng sinh lời cao từ tài sản cổ phiếu, đồng thời giảm thiểu rủi ro bằng cách linh hoạt quản lý tỷ lệ danh mục đầu tư qua trái phiếu và công cụ tiền tệ. Tỷ trọng đầu tư thực tế sẽ được Manulife điều chỉnh hàng năm và nằm trong giới hạn của bảng tỷ lệ phân bổ tài sản đầu tư bên dưới.

Khách hàng có thể chủ động lựa chọn Quỹ Hưng Thịnh để xây dựng kế hoạch tài chính trong dài hạn hoặc khi có nhu cầu sử dụng quỹ đầu tư (bắt đầu nghỉ hưu/rút tiền tại năm 2035, 2040, hoặc 2045).

Năm	Tỷ lệ đầu tư tối đa (%)								
	Quỹ Hưng Thịnh 2035			Quỹ Hưng Thịnh 2040			Quỹ Hưng Thịnh 2045		
	CP (*)	CCLS/TP (**)	CCTTTT (***)	CP (*)	CCLS/TP (**)	CCTTTT (***)	CP (*)	CCLS/TP (**)	CCTTTT (***)
2021	75%	50%	10%	85%	40%	10%	90%	30%	10%
2022	74%	51%	10%	83%	43%	10%	89%	33%	10%
2023	73%	53%	10%	80%	45%	10%	88%	35%	10%
2024	71%	54%	10%	78%	48%	10%	86%	38%	10%
2025	70%	55%	10%	75%	50%	10%	85%	40%	10%
2026	70%	55%	10%	75%	50%	10%	85%	40%	10%
2027	66%	58%	11%	74%	51%	10%	83%	43%	10%
2028	63%	60%	13%	73%	53%	10%	80%	45%	10%
2029	59%	63%	14%	71%	54%	10%	78%	48%	10%
2030	55%	65%	15%	70%	55%	10%	75%	50%	10%
2031	55%	65%	15%	70%	55%	10%	75%	50%	10%
2032	53%	68%	19%	66%	58%	11%	74%	51%	10%
2033	50%	70%	23%	63%	60%	13%	73%	53%	10%
2034	48%	73%	26%	59%	63%	14%	71%	54%	10%

THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ (TIẾP THEO)

Năm	Tỉ lệ đầu tư tối đa (%)								
	Quỹ Hưng Thịnh 2035			Quỹ Hưng Thịnh 2040			Quỹ Hưng Thịnh 2045		
	CP (*)	CCLS/TP (**)	CCTTTT (***)	CP (*)	CCLS/TP (**)	CCTTTT (***)	CP (*)	CCLS/TP (**)	CCTTTT (***)
2035	45%	75%	30%	55%	65%	15%	70%	55%	10%
2036	45%	75%	30%	55%	65%	15%	70%	55%	10%
2037	44%	75%	30%	53%	68%	19%	66%	58%	11%
2038	43%	75%	30%	50%	70%	23%	63%	60%	13%
2039	41%	75%	30%	48%	73%	26%	59%	63%	14%
2040	40%	75%	30%	45%	75%	30%	55%	65%	15%
2041	40%	75%	30%	45%	75%	30%	55%	65%	15%
2042	39%	75%	30%	44%	75%	30%	53%	68%	19%
2043	38%	75%	30%	43%	75%	30%	50%	70%	23%
2044	36%	75%	30%	41%	75%	30%	48%	73%	26%
2045	35%	75%	30%	40%	75%	30%	45%	75%	30%
2046+	35%	75%	30%	40%	75%	30%	45%	75%	30%

(*) CP: Danh mục đầu tư tập trung vào cổ phiếu

(**) CCLS/TP: Danh mục đầu tư tập trung vào Công cụ lãi suất cố định và Trái phiếu

(***) CCTTTT: Danh mục đầu tư tập trung vào Công cụ thị trường tiền tệ

Nhóm quỹ phân bổ theo mức độ chấp nhận rủi ro của khách hàng

Các Quỹ liên kết đơn vị và Mục tiêu đầu tư	Các loại tài sản đầu tư	Tối thiểu	Tối đa	Mức độ chấp nhận rủi ro
Quỹ Bảo Toàn: Là quỹ liên kết có mức rủi ro thấp, là sự lựa chọn tạm thời cho những nhà đầu tư trước khi quyết định đầu tư vào các quỹ khác.	Công cụ thị trường tiền tệ	80%	100%	Nhóm thận trọng về đầu tư
	Công cụ lãi suất cố định/Trái phiếu	0%	20%	
Quỹ Tích Lũy: Mang lại các cơ hội đầu tư ổn định với độ rủi ro thấp thông qua lợi thế của quỹ để đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính phủ và các công cụ lãi suất cố định khác.	Công cụ thị trường tiền tệ	0%	20%	Nhóm tương đối thận trọng về đầu tư
	Công cụ lãi suất cố định/Trái phiếu	80%	100%	
Quỹ Ổn Định: Được thiết kế dành cho những người có khuynh hướng đầu tư dài hạn với độ rủi ro trung bình thấp và chấp nhận những dao động nhỏ về giá trị của các khoản mục đầu tư.	Cổ phiếu	10%	30%	Nhóm cân bằng về đầu tư
	Công cụ lãi suất cố định/Trái phiếu/Công cụ thị trường tiền tệ	70%	90%	
Quỹ Cân Bằng: Mang lại các cơ hội đầu tư với sự bảo toàn và phát triển vốn ở mức trung bình.	Cổ phiếu	40%	60%	Nhóm tương đối mạo hiểm về đầu tư
	Công cụ lãi suất cố định/Trái phiếu/Công cụ thị trường tiền tệ	40%	60%	
Quỹ Phát Triển: Mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng vốn trong thời hạn đầu tư trung đến dài hạn.	Cổ phiếu	50%	80%	Nhóm tương đối mạo hiểm về đầu tư
	Công cụ lãi suất cố định/Trái phiếu/Công cụ thị trường tiền tệ	20%	50%	
Quỹ Tăng Trưởng: Mang lại các cơ hội đầu tư với sự tăng trưởng vốn trong dài hạn cho các nhà đầu tư.	Cổ phiếu	70%	100%	Nhóm mạo hiểm về đầu tư
	Công cụ lãi suất cố định/Trái phiếu/Công cụ thị trường tiền tệ	0%	30%	

b. Đơn vị quản lý quỹ: Các Quỹ liên kết đơn vị được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

c. Tỷ suất đầu tư thực tế trong 10 năm vừa qua của các Quỹ liên kết đơn vị:

Quỹ liên kết đơn vị \ năm	2019	2020	2021	2022	2023	Tỷ suất đầu tư		
						Tỷ suất đầu tư 5 năm gần nhất	Tỷ suất đầu tư 10 năm gần nhất	Tỷ suất đầu tư kể từ khi thành lập quỹ đến 31/12/2023
Quỹ Tăng Trưởng	6,7%	9,7%	28,5%	-29,5%	9,9%	3,1%	6,4%	7,2%
Quỹ Phát Triển	6,7%	11,7%	25,1%	-24,1%	9,6%	4,4%	6,6%	7,7%
Quỹ Cân Bằng	6,5%	13,5%	18,8%	-16,9%	9,4%	5,5%	7,0%	8,6%
Quỹ Ổn Định	5,4%	5,5%	9,9%	-6,7%	9,6%	4,6%	-	4,2%
Quỹ Tích Lũy	5,1%	3,8%	2,9%	1,3%	9,7%	4,5%	-	4,0%
Quỹ Bảo Toàn	5,0%	5,2%	4,2%	4,8%	6,4%	5,1%	-	4,0%
Quỹ Hưng Thịnh 2035 (*)	Quỹ mới thành lập tháng 08 năm 2021			-19,7%	10,5%	-	-	-3,6%
Quỹ Hưng Thịnh 2040 (*)				-22,3%	10,5%	-	-	-4,5%
Quỹ Hưng Thịnh 2045 (*)				-24,3%	10,5%	-	-	-5,6%

(*) Tỷ suất đầu tư tính từ ngày thành lập, do thời gian tồn tại của quỹ liên kết đơn vị ngắn hơn 5 năm hoặc 10 năm.

3. Giá của đơn vị quỹ

- Tài sản của Quỹ liên kết đơn vị sẽ được chia nhỏ thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị Quỹ. Đơn vị Quỹ có giá mua bằng giá bán. Tuy nhiên, Giá Đơn Vị khác nhau theo từng Quỹ.
- Giá của đơn vị quỹ liên kết đơn vị có thể tăng hoặc giảm. Giá trị của quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn số phí đem đi đầu tư và phụ thuộc vào kết quả của các khoản đầu tư trong từng quỹ liên kết đơn vị.

4. Công ty được phép áp dụng các biện pháp dưới đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của BMBH:

- Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng các mục tiêu đầu tư;
- Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
- Chia tách hoặc sáp nhập các đơn vị Quỹ liên kết đơn vị hiện có;
- Ngừng định giá Quỹ liên kết đơn vị và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp Trung tâm giao dịch chứng khoán và/hoặc Sở giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
- Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

1. Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Là khoản phí đóng cho sản phẩm chính.																										
2. Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ	Là khoản phí đóng cho (các) sản phẩm bổ trợ.																										
3. Phí Bảo Hiểm Định Kỳ	Là tổng của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ (nếu có).																										
4. Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	Là khoản phí do Bên Mua Bảo Hiểm đóng thêm ngoài Phí Bảo Hiểm Định Kỳ cho Hợp Đồng Bảo Hiểm.																										
5. Phí Ban Đầu	Là phí được khấu trừ từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản, Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm thực đóng trước khi được đầu tư vào các Quỹ Liên Kết Đơn Vị.																										
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm Phí Bảo Hiểm</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4-5</th> <th>6+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản</td> <td>85%</td> <td>75%</td> <td>20%</td> <td>0%</td> <td>0%</td> </tr> <tr> <td>% Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro</td> <td>65%</td> <td>50%</td> <td>35%</td> <td>2%</td> <td>2%</td> </tr> <tr> <td>% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm</td> <td colspan="4">2%</td> <td>1%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4-5	6+	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	85%	75%	20%	0%	0%	% Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro	65%	50%	35%	2%	2%	% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	2%				1%		
	Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4-5	6+																					
	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	85%	75%	20%	0%	0%																					
% Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro	65%	50%	35%	2%	2%																						
% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	2%				1%																						
6. Phí Bảo Hiểm Rủi Ro	Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định của sản phẩm chính và sản phẩm bổ trợ, trừ sản phẩm Sống Khỏe Mỗi Ngày và sản phẩm Bảo Hiểm Trợ Cấp Thai Sản. Phí Bảo Hiểm Rủi Ro được miễn phí trong Năm Hợp Đồng đầu tiên. Đối với sản phẩm Bảo Hiểm Trợ Cấp Y Tế Mở Rộng và Bệnh Lý Nghiêm Trọng Mở Rộng (nếu có), Phí Bảo hiểm Rủi Ro được miễn phí từ năm Người Được Bảo Hiểm đạt 80 Tuổi trở đi.																										
7. Phí quản lý hợp đồng	Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng để thực hiện việc quản lý, duy trì và cung cấp thông tin Hợp Đồng. Phí Quản Lý Hợp Đồng sẽ thay đổi trong mỗi năm dương lịch nhưng không vượt quá mức quy định tối đa (60.000 đồng/tháng) như bảng sau: Đơn vị: nghìn đồng																										
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>2021</th> <th>2022</th> <th>2023</th> <th>2024</th> <th>2025</th> <th>2026</th> <th>2027</th> <th>2028</th> <th>2029</th> <th>2030</th> <th>2031</th> <th>2032</th> <th>2033+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>37</td> <td>39</td> <td>41</td> <td>43</td> <td>45</td> <td>47</td> <td>49</td> <td>51</td> <td>53</td> <td>55</td> <td>57</td> <td>59</td> <td>60</td> </tr> </tbody> </table>	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033+	37	39	41	43	45	47	49	51	53	55	57	59	60
	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033+														
37	39	41	43	45	47	49	51	53	55	57	59	60															
Phí Quản Lý Hợp Đồng được miễn phí trong Năm Hợp Đồng đầu tiên.																											
8. Phí Quản Lý Quỹ	Được tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Khoản phí này được khấu trừ trước mỗi lần định giá đơn vị Quỹ, như dưới đây:																										
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Quỹ</th> <th>Bảo Toàn</th> <th>Tích Lũy</th> <th>Ổn Định</th> <th>Cân Bằng</th> <th>Phát Triển</th> <th>Tăng Trưởng</th> <th>Hung Thịnh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Phí Quản Lý Quỹ</td> <td>1,00%</td> <td>1,50%</td> <td>1,75%</td> <td>2,25%</td> <td>2,25%</td> <td>2,50%</td> <td>2,00%</td> </tr> </tbody> </table>	Quỹ	Bảo Toàn	Tích Lũy	Ổn Định	Cân Bằng	Phát Triển	Tăng Trưởng	Hung Thịnh	Phí Quản Lý Quỹ	1,00%	1,50%	1,75%	2,25%	2,25%	2,50%	2,00%										
Quỹ	Bảo Toàn	Tích Lũy	Ổn Định	Cân Bằng	Phát Triển	Tăng Trưởng	Hung Thịnh																				
Phí Quản Lý Quỹ	1,00%	1,50%	1,75%	2,25%	2,25%	2,50%	2,00%																				

9. Phí Hủy Bỏ Hợp Đồng Trước Hạn	Là khoản phí phát sinh khi Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu hủy bỏ Hợp Đồng trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và trên Phí Bảo Hiểm Bồi Trợ cho Tài Khoản Cơ Bản, và miễn phí cho Tài Khoản Đóng Thêm.										
	Năm Phí Bảo Hiểm				1	2	3	4	5	6	7+
	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm tại thời điểm cấp Hợp Đồng				90%	80%	70%	45%	30%	15%	0%
% Phí Bảo Hiểm Bồi Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro quy năm hiện tại											
10. Phí Rút Giá Trị Tài Khoản	Manulife không tính Phí Rút Giá Trị Tài Khoản với các yêu cầu Rút Quỹ từ Giá Trị Tài Khoản trong suốt thời hạn Hợp Đồng.										
11. Phí chuyển đổi Quỹ	Manulife không tính Phí Chuyển Đổi Quỹ với các yêu cầu chuyển đổi Quỹ giữa các Quỹ Liên Kết Đơn Vị trong suốt thời hạn Hợp Đồng.										

Lưu ý: Công Ty có thể thay đổi tăng các mức phí nêu trên nhưng không vượt quá mức phí tối đa theo quy định đã được Bộ Tài Chính chấp thuận và phải thông báo cho Bên Mua Bảo Hiểm ba (03) tháng trước khi áp dụng mức phí mới.

CÁC THÔNG TIN KHÁC

- Số điện thoại đường dây nóng dịch vụ khách hàng: 1900 1776
- Địa chỉ email của Bộ phận dịch vụ khách hàng: khachhang@manulife.com
- Thông tin về địa chỉ Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng: <https://www.manulife.com.vn/vi/lien-he.html>
- Khách hàng có thể tham khảo quy tắc điều khoản của sản phẩm bảo hiểm tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/san-pham-bao-hiem.html>
- Khách hàng có thể truy cập công cụ tính toán để tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm tại: <https://shop.manulife.com.vn/ext/vn-ecm-web/dang-ky>
- Khách hàng có thể tìm kiếm thông tin/báo cáo về hoạt động của quỹ tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/ve-chung-toi/bao-cao-tai-chinh.html>

LƯU Ý KHI THAM GIA SẢN PHẨM

- Vui lòng tham khảo chi tiết về các quyền lợi bảo hiểm trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.
- Khách hàng phải tuân thủ các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của mình, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
- Việc giao kết hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, bên mua bảo hiểm không nên hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm vì có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ TƯ VẤN SẢN PHẨM BẢO HIỂM	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM
<p>Tôi, người ký tên dưới đây, cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này và nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.</p>	<ol style="list-style-type: none"> Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ có hiệu lực nếu được nộp vào Công Ty để cấp hợp đồng vào hoặc trước ngày 01/08/2024 và được đính kèm với Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính của Bên Mua Bảo Hiểm và Bảng câu hỏi đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư. Tôi/Chúng tôi hiểu Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng thay đổi tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa bán hàng. Ngoại trừ trường hợp đảm bảo duy trì hợp đồng trong 3 năm đầu tiên, tôi/chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực nếu các khoản Phí Bảo Hiểm theo quy định không được đóng đầy đủ hoặc Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng không đủ trừ đi các khoản nợ (nếu có), tùy sự kiện nào xảy ra trước. Tôi/Chúng tôi đồng ý tham gia sản phẩm bảo hiểm này và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo hiểm. Tôi/Chúng tôi hiểu việc tham gia một Hợp đồng Bảo hiểm Liên kết đơn vị đóng phí định kỳ là một cam kết dài hạn và không nên hủy bỏ hợp đồng vì các khoản phí phải trả có thể rất cao trong thời gian đầu của Hợp Đồng. Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Phí Bảo Hiểm Rủi Ro của sản phẩm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro sẽ được khấu trừ vào mỗi Ngày Kỷ Niệm Tháng Hợp Đồng từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng khi tôi/chúng tôi tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro, trừ sản phẩm Sống Khỏe Mỗi Ngày và sản phẩm Bảo Hiểm Trợ Cấp Thai Sản. Tôi/Chúng tôi cam kết các thông tin cá nhân là do chính tôi/chúng tôi cung cấp một cách trung thực và chịu mọi trách nhiệm liên quan nếu khai báo không trung thực. Tôi/Chúng tôi cũng xác nhận đã được tư vấn đầy đủ, đồng thời đã đọc kỹ và hiểu rõ tất cả các trang minh họa cũng như nội dung của Điều khoản hợp đồng và Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính của Bên Mua Bảo Hiểm. Tôi/Chúng tôi hoàn toàn hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình khi tham gia Hợp Đồng này, đặc biệt là đối với những quyền lợi không đảm bảo do kết quả đầu tư thực tế của Quý. Tôi/Chúng tôi cũng hiểu rõ tất cả lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư, sự tương quan giữa lợi nhuận và rủi ro khi đưa ra quyết định đầu tư. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng đây là sản phẩm bảo hiểm có yếu tố đầu tư, cho phép khách hàng như tôi/chúng tôi vừa có quyền lợi bảo vệ vừa có quyền lợi đầu tư trong cùng một sản phẩm, không phải là sản phẩm đầu tư thuần túy.
<p>Ngày: _____</p> <p>Chữ ký: _____ AGENT 10401, 10401, HCM04</p>	<p>Ngày: _____</p> <p>Chữ ký: _____ KHÁCH HÀNG</p>